TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Mộng Trinh
2. Ông Ngô Đình Bảo Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2024, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 42a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Đình T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận.
Bị đơn: Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2023, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Đình T trình bày: Ông và bà Hồ Thị Th tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau chung sống với nhau từ năm 2012, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận ngày 11/10/2012, theo giấy chứng nhận kết hôn số 154/2012 của UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, việc này xảy ra liên tục trong thời gian dài khiến cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng nặng nề. Từ đầu năm 2024 đến

nay, ông đã dọn ra ở riêng, từ đó hai vợ chồng ly thân, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phan Hồ Hoàng K, sinh ngày 23/6/2012 và Phan Hồ Hoàng V, sinh ngày 20/01/2021. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn ông Phan Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Phan Đình T yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Hồ Thị Th.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, ông giao 02 người con chung cho bà Hồ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Th mỗi người con 1.500.000 đồng/tháng(02 người con 3.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải và tiến hành niêm yết hợp lệ cho bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phan Đình T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn bà Hồ Thị Th. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn X, xã Đ, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Hồ Thị Th tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, bà Th đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ bà Th tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th.

[3] Đối với việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Trong vụ án này, Tòa án không phải thu thập chứng cứ nên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án không cần phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về nội dung:

[4.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T và bà Th tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Thuận ngày 11/10/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, việc này xảy ra liên tục trong thời gian dài khiến cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng nặng nề. Từ đầu năm 2024 đến nay, ông đã dọn ra ở riêng, từ đó hai vợ chồng ly thân, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th cố tình lẫn tránh, không hợp tác, không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông T kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông T xin ly hôn với bà Th là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.b] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Hồ Hoàng K, sinh ngày 23/6/2012 và Phan Hồ Hoàng V, sinh ngày 20/01/2021, khi ly hôn ông T muốn giao cả hai người con cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét cháu K và cháu V hiện đang ở với bà Th, cháu V còn đang nhỏ, tại bản khai của cháu K nguyện vọng muốn được ở với mẹ và để tránh xáo trộn cuộc sống của hai cháu nghĩ nên giao cả hai cháu cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông T đưa ra mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Th mỗi người con 1.500.000đồng/tháng(02 người con 3.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân. Xét mức cấp dưỡng trên là phụ hợp với điều kiện sinh sống tại địa phương và phù hợp với thu nhập của ông T nên chấp nhận.

Ông T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4.c] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Ông Phan Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đình T

- Về hôn nhân: Ông Phan Đình T được ly hôn với bà Hồ Thị Th

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Hồ Hoàng K, sinh ngày 23/6/2012 và Phan Hồ Hoàng V, sinh ngày 20/01/2021 cho bà Hồ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phan Đình T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Hồ Thị Th mỗi người con 1.500.000 đồng/tháng(02 người con 3.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông T có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Phan Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012927 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Thuận, ông T còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng án phí. Bà Th không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/5/2024). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
-Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Văn Hơn